

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 47
8. Phụ lục	48 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791 (số cũ là 059080) đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 23 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.161.379.940.000 VND
Số cổ phiếu: 116.137.994 cổ phiếu
Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 3 năm 2002 với mã chứng khoán là GMD.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (84-8) 38 236 236
Fax : (84-8) 38 235 236
E-mail : info@gemadept.com.vn
Mã số thuế : 0 3 0 1 1 1 6 7 9 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 49).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 5 năm 2015 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (05% lợi nhuận sau thuế)	7.749.621.305 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển (05% lợi nhuận sau thuế)	7.749.621.305 VND
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (05% lợi nhuận sau thuế)	7.749.621.305 VND
- Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị (03% lợi nhuận sau thuế)	4.649.772.783 VND
- Trích cổ tức năm 2014 (2.000 VND/cổ phiếu)	232.275.988.000 VND
Cộng	<u>260.174.624.698 VND</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tĩnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Dại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Minh – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2015



Số: 0777/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 06 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 49 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.248.869.072.047	2.412.087.504.715
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	536.232.965.601	568.365.071.697
1. Tiền	111		289.132.965.601	234.495.071.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		247.100.000.000	333.870.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		590.918.692.949	745.637.977.429
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	706.972.199.042	858.300.882.680
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(116.053.506.093)	(112.662.905.251)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		985.449.592.354	1.021.206.469.105
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	300.154.920.462	312.375.504.590
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	70.219.388.151	69.967.162.297
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	621.908.689.052	656.697.207.529
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(6.833.405.311)	(17.833.405.311)
IV. Hàng tồn kho	140		27.238.751.115	23.904.542.399
1. Hàng tồn kho	141	V.8	27.238.751.115	23.904.542.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		109.029.070.028	52.973.444.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4.136.134.752	2.085.309.238
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.700.960.441	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.26	8.969.427.686	4.217.145.334
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	89.222.547.149	46.670.989.513

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.002.316.061.362	3.741.601.429.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		464.471.085.028	410.274.919.094
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	394.790.561.441	332.299.069.202
<i>Nguyên giá</i>	222		1.027.844.436.583	936.303.887.583
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(633.053.875.142)	(604.004.818.381)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	26.856.862.019	14.392.730.508
<i>Nguyên giá</i>	225		29.005.337.261	14.592.547.596
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.148.475.242)	(199.817.088)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	3.870.907.910	4.455.022.466
<i>Nguyên giá</i>	228		11.458.486.153	11.458.486.153
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.587.578.243)	(7.003.463.687)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	38.952.753.658	59.128.096.918
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.422.948.690.315	3.223.196.141.038
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	2.534.095.749.428	2.310.538.249.428
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	732.399.791.279	727.075.791.280
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	356.472.332.000	382.905.332.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(200.019.182.392)	(197.323.231.670)
V. Tài sản dài hạn khác	260		77.896.286.019	71.130.369.016
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	11.585.397.880	4.994.473.164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	15.312.372.139	16.069.763.352
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.22	50.998.516.000	50.066.132.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.251.185.133.409	6.153.688.933.863

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.802.896.224.107	1.533.456.870.586
I. Nợ ngắn hạn	310		888.488.700.548	617.166.271.514
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	268.027.849.851	277.688.542.614
2. Phải trả người bán	312	V.24	102.346.915.407	69.295.869.307
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	14.811.607.679	6.509.573.223
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	1.769.348.184	22.587.302.977
5. Phải trả người lao động	315	V.27	4.272.285.124	14.055.370.460
6. Chi phí phải trả	316	V.28	130.116.571.649	96.894.361.572
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.29	296.000.496.809	65.432.864.774
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.30	56.370.645.321	56.982.318.300
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.31	14.772.980.524	7.720.068.287
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		914.407.523.559	916.290.599.072
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	717.317.183	857.354.183
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	902.204.186.065	903.181.681.890
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.34	11.486.020.311	12.251.562.999
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.448.288.909.302	4.620.232.063.277
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.448.288.909.302	4.620.232.063.277
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	1.161.379.940.000	1.161.379.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		52.564.113.317	44.814.492.012
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.35	49.450.048.410	41.700.427.105
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.35	644.031.950.273	831.474.346.858
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.251.185.133.409	6.153.688.933.863

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.455.701.880	2.455.701.880
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.697.315,55	428.733,51
Euro (EUR)		111,18	1.182.201,01
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	423.045.109.879	462.750.942.349
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	423.045.109.879	462.750.942.349
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	407.546.216.575	451.054.788.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.498.893.304	11.696.153.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	192.250.937.622	191.587.911.463
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	95.249.358.928	97.636.622.593
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.847.539.233	36.416.631.418
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.917.503.039	1.894.120.116
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	35.724.046.022	44.321.140.345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.858.922.937	59.432.181.764
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.379.902.427	3.507.525.466
12. Chi phí khác	32	VI.8	143.039.090	518.165.950
13. Lợi nhuận khác	40		1.236.863.337	2.989.359.516
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76.095.786.274	62.421.541.280
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.26	3.371.709.636	64.232.132.082
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(8.151.475)	(73.208.777.099)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>72.732.228.113</u>	<u>71.398.186.297</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2015


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 ĐỖ VĂN MINH
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		76.095.786.274	62.421.541.280
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, 13, 14	31.888.109.034	32.906.647.025
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 7, 19	(4.913.448.436)	42.920.437.885
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	30.974.409.508	3.152.973.852
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(188.091.645.266)	(179.341.283.290)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	32.847.539.233	36.416.631.418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(21.199.249.653)	(1.523.051.830)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		80.640.462.801	56.754.007.986
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.334.208.716)	(572.852.956)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26.177.496.517	7.977.556.830
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.846.363.817)	6.970.174.933
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.28; VI.4	(1.595.957.117)	(16.451.486.203)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.26	(22.088.290.014)	(36.589.819.663)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.087.197.799	6.776.656.580
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(54.008.403.150)	(11.845.980.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.832.684.650	11.495.205.237
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, 15	(71.788.322.750)	(6.451.440.747)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.272.727.272	2.269.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(56.000.000.000)	(67.997.320.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		214.328.683.639	84.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(227.827.500.000)	(209.049.940.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	838.831.750.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	144.344.378.251	21.593.152.858
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.329.966.412	664.096.020.293

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

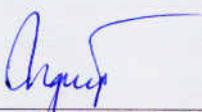
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	17.163.250.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.23	27.010.851.999	508.971.424.383
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.23, 33	(78.059.243.270)	(335.388.322.798)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.33	(1.915.292.698)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29, 35	-	(10.033.508.803)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(52.963.683.969)</i>	<i>180.712.842.782</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(33.801.032.907)</i>	<i>856.304.068.312</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>568.365.071.697</i>	<i>207.150.265.471</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.668.926.811	114.178.426
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>536.232.965.601</i>	<i>1.063.568.512.209</i>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2015


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty có 284 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 293 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty sẽ áp dụng các qui định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập và trình bày theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán này theo qui định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

27
Y
N
3PT
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trang trí nội thất

Chi phí trang trí nội thất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Chi phí vật tư phụ tùng

Chi phí vật tư phụ tùng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2014:	21.354 VND/USD
		25.689 VND/EUR
		16.066 VND/SGD
		6.025 VND/MYR
		178 VND/JPY
		2.724 VND/HKD
	30/6/2015:	21.795 VND/USD
		24.303 VND/EUR
		16.149 VND/SGD
		5.802 VND/MYR
		177 VND/JPY
		2.795 VND/HKD

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.121.701.824	3.164.467.435
Tiền gửi ngân hàng	284.614.620.561	231.325.468.776
Tiền đang chuyển	1.396.643.216	5.135.486
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng</i>)	247.100.000.000	333.870.000.000
Cộng	<u>536.232.965.601</u>	<u>568.365.071.697</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	144.872.199.042	144.874.562.680
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân ⁽ⁱ⁾	94.971.030.000	94.971.030.000
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	31.490.628.000
- Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	14.234.321.100
- Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức	3.150.000.000	3.150.000.000
- Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương	1.028.054.940	1.028.054.940
- Các công ty khác	528.640	528.640
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	79.700.000.000	231.026.320.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	-	61.024.320.000
- Cho vay ngắn hạn	79.700.000.000	170.002.000.000
Cộng	<u>706.972.199.042</u>	<u>858.300.882.680</u>

⁽ⁱ⁾ Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt) đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(112.662.905.251)	(106.584.565.014)
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.390.600.842)	(9.521.182.953)
Số cuối kỳ	<u>(116.053.506.093)</u>	<u>(116.105.747.967)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển...	273.118.031.799	283.746.504.590
Dịch vụ cho thuê tài sản	27.036.888.663	28.629.000.000
Cộng	<u>300.154.920.462</u>	<u>312.375.504.590</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH cảng Phước Long	-	6.021.434.386
Các nhà cung cấp khác	70.219.388.151	63.945.727.911
Cộng	70.219.388.151	69.967.162.297

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	22.651.682.473	29.571.349.439
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	245.313.242.964	318.704.872.075
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	129.058.721.013	213.322.634.679
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	4.772.376.845	4.680.026.659
- Gemadept (S) Pte Ltd - tiền chi hộ	82.009.331.041	71.868.128.456
- Grand Pacific Shipping - tiền chi hộ	1.181.618.854	1.181.618.854
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	14.876.000.000	14.876.000.000
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept – tiền hỗ trợ vốn, chi hộ	137.486.887	5.096.000
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	56.018.292	60.253.196
- Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương (Paruco) – tiền chi hộ	1.562.182.347	1.378.568.347
- Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm – tiền hỗ trợ vốn	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty cổ phần dịch vụ tin học Vĩ Tín	1.137.745.050	509.200.010
- Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	300.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	221.762.635	96.448.874
- Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	-	300.000.000
- Công ty TNHH tiếp vận “K” Line – Gemadept	-	126.897.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	337.136.084.156	290.752.453.504
Các khoản phải thu khác	13.807.679.459	14.668.532.511
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển – tiền chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	2.857.268.808	3.528.948.416
- Phải thu thanh lý hợp đồng Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao – Transvina	2.000.000.000	2.500.000.000
- Các khoản phải thu khác	2.822.223.151	2.511.396.595
Cộng	621.908.689.052	656.697.207.529

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(4.040.680.540)	(4.040.680.540)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	(2.792.724.771)	(2.792.724.771)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	(11.000.000.000)
Cộng	<u>(6.833.405.311)</u>	<u>(17.833.405.311)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(17.833.405.311)	(11.773.637.000)
Hoàn nhập dự phòng	11.000.000.000	-
Số cuối kỳ	<u>(6.833.405.311)</u>	<u>(11.773.637.000)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhiên liệu trên tàu	19.967.335.046	17.713.743.402
Hàng hóa	7.271.416.069	6.190.798.997
Cộng	<u>27.238.751.115</u>	<u>23.904.542.399</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	-	119.511.061
Chi phí bảo hiểm	909.511.205	725.721.805
Vật tư, công cụ, dụng cụ	1.796.515.274	1.108.499.660
Chi phí khác	1.430.108.273	131.576.712
Cộng	<u>4.136.134.752</u>	<u>2.085.309.238</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	40.580.655.232	41.553.824.845
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	48.641.891.917	5.117.164.668
Cộng	<u>89.222.547.149</u>	<u>46.670.989.513</u>

11. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	<u>37.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.281.263.332	106.657.200.593	815.159.997.077	7.205.426.581	936.303.887.583
Mua sắm mới	-	4.264.819.940	67.293.656.155	-	71.558.476.095
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	20.285.189.915	-	20.285.189.915
Thanh lý	-	-	(317.401.000)	-	(317.401.000)
Ảnh hưởng của tỷ giá khí chuyển đổi báo cáo	-	-	11.510.100	2.773.890	14.283.990
Số cuối kỳ	7.281.263.332	110.922.020.533	902.432.952.247	7.208.200.471	1.027.844.436.583
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	960.602.908	106.307.880.493	159.603.214.815	7.119.450.360	273.991.148.576
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.835.102.784	106.566.327.141	484.412.616.209	7.190.772.247	604.004.818.381
Khấu hao trong kỳ	209.905.392	428.241.841	28.706.673.144	10.515.947	29.355.336.324
Thanh lý	-	-	(317.401.000)	-	(317.401.000)
Ảnh hưởng của tỷ giá khí chuyển đổi báo cáo	-	-	8.549.958	2.571.479	11.121.437
Số cuối kỳ	6.045.008.176	106.994.568.982	512.810.438.311	7.203.859.673	633.053.875.142
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.446.160.548	90.873.452	330.747.380.868	14.654.334	332.299.069.202
Số cuối kỳ	1.236.255.156	3.927.451.551	389.622.513.936	4.340.798	394.790.561.441
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 154.815.824.899 VND và 57.003.695.076 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.23).

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	14.592.547.596
Thuê tài chính trong kỳ	14.412.789.665
Số cuối kỳ	29.005.337.261
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	199.817.088
Khấu hao trong kỳ	1.948.658.154
Số cuối kỳ	2.148.475.242
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.392.730.508
Số cuối kỳ	26.856.862.019

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
Số cuối kỳ	1.250.403.410	10.208.082.743	11.458.486.153
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	701.475.063	701.475.063
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	7.003.463.687	7.003.463.687
Khấu hao trong kỳ	-	584.114.556	584.114.556
Số cuối kỳ	-	7.587.578.243	7.587.578.243
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.403.410	3.204.619.056	4.455.022.466
Số cuối kỳ	1.250.403.410	2.620.504.500	3.870.907.910
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.23).

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Phần mềm GSS	630.000.000	-	-	-	630.000.000
Phần mềm ORC	6.493.714.058	-	-	-	6.493.714.058
Chi phí mua cầu, xe nâng ^(*)	51.855.132.860	109.846.655	(20.285.189.915)	-	31.679.789.600
Chi phí hoàn cải tạo	29.250.000	-	-	-	29.250.000
Chi phí khác	120.000.000	120.000.000	-	(120.000.000)	120.000.000
Cộng	59.128.096.918	229.846.655	(20.285.189.915)	(120.000.000)	38.952.753.658

(*) Chi phí mua cầu với giá trị 31.679.789.600 VND đã được thế chấp ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.23).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	81,60	81,60	41.730.000.000	41.730.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M ⁽ⁱ⁾	100,00	100,00	35.000.000.000	7.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd	100,00	100,00	15.206.200.000	15.206.200.000
Gemadept (S) Pte Ltd	100,00	100,00	15.207.300.000	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	3,35	2.343.651.753	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000	1.637.304.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept ⁽ⁱ⁾	100,00	50,00	100.000.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	70.866.282.735	70.866.282.735
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱ⁾	46,00	46,00	27.600.000.000	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải ⁽ⁱⁱⁱ⁾	99,98	99,98	424.383.000.000	424.383.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	13,15	78.900.000.000	77.500.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	82,35	468.125.628.630	380.765.628.630
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	100,00	63,16	656.164.600.000	569.867.100.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	84,66	84,66	338.625.450.000	338.625.450.000
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương ^(iv)	100,00	10,00	1.000.000.000	-
Cộng			2.534.095.749.428	2.310.538.249.428

⁽ⁱ⁾ Tặng do góp vốn bổ sung.⁽ⁱⁱ⁾ Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadept trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn (xem thuyết minh số V.33).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305673056 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương là 9.000.000.000 VND.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	45,00	45,00	42.761.600.000	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	26,78	26,78	9.642.000.000	9.642.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	49,00	49,00	5.110.700.000	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	11,43	18.754.608.143	18.754.608.144
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	23.236.200.000	23.236.200.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000	141.250.000.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ⁽ⁱ⁾	41,67	41,67	351.750.000.000	351.750.000.000
Công ty TNHH Golden Globe	40,00	34,04	83.745.403.136	83.745.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	50,00	50,00	6.324.000.000	1.000.000.000
Cộng			732.399.791.279	727.075.791.280

- (i) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).

- (ii) Tăng do góp vốn bổ sung.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu - Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải ⁽ⁱ⁾	165.581.032.000	165.581.032.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	161.291.300.000	161.291.300.000
- Công ty TNHH CJ Việt Nam	140.415.300.000	140.415.300.000
- Các công ty khác	20.876.000.000	20.876.000.000
Cho vay dài hạn	29.600.000.000	56.033.000.000
- Cho Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept vay	16.600.000.000	36.033.000.000
- Cho Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất vay	13.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	356.472.332.000	382.905.332.000

- (i) Toàn bộ cổ phiếu này được cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh số V.23).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(113.572.432.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(61.440.461.843)	(60.336.727.637)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(20.706.985.038)	(19.110.708.499)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(4.299.303.511)	(4.303.363.534)
Cộng	(200.019.182.392)	(197.323.231.670)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(197.323.231.670)	(151.714.320.602)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.695.950.722)	(33.399.254.932)
Số cuối kỳ	(200.019.182.392)	(185.113.575.534)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí trang trí nội thất	233.035.687	-	(83.195.085)	149.840.602
Chi phí mua phần mềm	15.193.757	-	(15.193.757)	-
Chi phí lãi thuê tài chính container	4.701.317.745	4.795.386.413	(738.458.577)	8.758.245.581
Chi phí vật tư phụ tùng	-	2.871.778.859	(213.053.433)	2.658.725.426
Chi phí khác	44.925.975	-	(26.339.704)	18.586.271
Cộng	4.994.473.164	7.667.165.272	(1.076.240.556)	11.585.397.880

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	16.069.763.352	749.631.551
Số hoãn nhập	(757.391.213)	(749.631.551)
Số cuối kỳ	15.312.372.139	-

22. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ thuê tàu	43.590.000.000	42.708.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	871.800.000	854.160.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	6.536.716.000	6.503.972.500
Cộng	50.998.516.000	50.066.132.500

23. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.058.687.252	42.032.907.834
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	16.742.870.970	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	1.607.984.234	27.888.511.523

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.707.832.048	14.144.396.311
Vay ngắn hạn các tổ chức khác - Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ^(iv)	234.398.452.640	229.655.634.780
Vay dài hạn đến hạn trả	6.570.709.959	6.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Thuận	-	6.000.000.000
- Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	6.570.709.959	-
Cộng	<u>268.027.849.851</u>	<u>277.688.542.614</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu;
 - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo 80% bằng tín chấp và 20% bằng việc thế chấp 04 cầu bờ Liebherr.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải.
- (iv) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	42.032.907.834	27.010.851.999	74.170.689	-	(42.059.243.270)	27.058.687.252
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	229.655.634.780	-	4.742.817.860	-	-	234.398.452.640
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-	-	6.570.709.959	(6.000.000.000)	6.570.709.959
Cộng	<u>277.688.542.614</u>	<u>27.010.851.999</u>	<u>4.816.988.549</u>	<u>6.570.709.959</u>	<u>(48.059.243.270)</u>	<u>268.027.849.851</u>

24. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	27.815.396.719	15.919.656.544
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	19.493.929.600	14.290.346.068
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	252.969.063	54.036.257
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	4.741.583.039	1.456.483.427
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	258.179.017	118.790.792
- Gemadept (S) Pte Ltd	3.068.736.000	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	74.531.518.688	53.376.212.763
Cộng	<u>102.346.915.407</u>	<u>69.295.869.307</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

25. Người mua trả tiền trước

Khoản ứng trước của khách hàng cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(3.906.281.223)	3.055.628.776	(5.419.265.140)	(6.269.917.587)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.325.502.328	(6.325.502.328)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	277.226.094	(277.226.094)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.579.760.548	3.053.192.929	(21.772.677.129)	(2.139.723.652)
Thuế thu nhập cá nhân	4.193.726.166	1.917.717.933	(6.360.366.435)	(248.922.336)
Thuế môn bài	(900.000)	6.000.000	(6.000.000)	(900.000)
Các loại thuế khác	1.363.243.962	8.860.788.354	(8.908.160.254)	1.315.872.062
- Thuế nhà thầu	1.673.208.073	8.734.732.180	(8.782.104.080)	1.625.836.173
- Thuế khác	(309.964.111)	126.056.174	(126.056.174)	(309.964.111)
Cộng	18.229.549.453	23.496.056.414	(49.069.197.380)	(7.343.591.513)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước”.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.608.189	318.516.707	(315.612.885)	143.512.011
Cộng	140.608.189	318.516.707	(315.612.885)	143.512.011

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Chi nhánh Campuchia nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

27. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

28. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	112.785.580.042	81.533.997.926
Chi phí khác	17.330.991.607	15.360.363.646
Cộng	<u>130.116.571.649</u>	<u>96.894.361.572</u>

29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.367.377.781	990.469.925
Cổ tức phải trả	232.472.966.350	196.978.350
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.806.716.740	794.719.481
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	14.053.361.943	15.528.556.134
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác kinh doanh	43.581.071.182	45.728.077.536
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – các khoản thu hộ và phải trả khác	12.177.610.242	21.085.413.395
- Gemadept (S) Pte Ltd – các khoản thu hộ tài, mượn tiền	410.212.517	-
- Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương – tiền hỗ trợ vốn	8.279.000.000	8.279.000.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept – các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
- Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng – tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
- Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd - các khoản thu hộ	952.588.944	942.227.649
- Công ty TNHH cảng Phước Long - các khoản thu hộ và phải trả khác	6.985.073.124	763.558.466
- Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept - các khoản thu hộ	420.115.987	301.407.658
Các khoản phải trả khác	1.719.002.813	2.194.063.348
Cộng	<u>296.000.496.809</u>	<u>65.432.864.774</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

30. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	7.720.068.287	(546.902.189)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.399.394.088	16.316.149.141
Chi quỹ trong kỳ	(5.346.481.851)	(5.337.562.237)
Số cuối kỳ	<u>14.772.980.524</u>	<u>10.431.684.715</u>

32. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ dài hạn.

33. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Thuận	-	30.000.000.000
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽ⁱ⁾	871.800.000.000	854.160.000.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	30.404.186.065	19.021.681.890
Cộng	<u>902.204.186.065</u>	<u>903.181.681.890</u>

⁽ⁱ⁾ Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay	:	40.000.000,00 USD
Thời gian ân hạn	:	05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
Trả gốc	:	Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
Lãi suất	:	Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
Mục đích vay	:	- Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ. - Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng. - Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
Tài sản đảm bảo	:	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm: - Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông; - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu	871.800.000.000	-	871.800.000.000	-
Thuê tài chính	36.974.896.024	6.570.709.959	26.228.981.556	4.175.204.509
Cộng	908.774.896.024	6.570.709.959	898.028.981.556	4.175.204.509

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	30.000.000.000	-	-	-	(30.000.000.000)	-
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu	854.160.000.000	-	17.640.000.000	-	-	871.800.000.000
Thuê tài chính containers	19.021.681.890	19.208.176.078	660.330.754	(6.570.709.959)	(1.915.292.698)	30.404.186.065
Cộng	903.181.681.890	19.208.176.078	18.300.330.754	(6.570.709.959)	(31.915.292.698)	902.204.186.065

34. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.251.562.999	88.478.588.088
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	1.502.893.752
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ năm trước	(765.542.688)	(75.461.302.402)
Số cuối kỳ	11.486.020.311	14.520.179.438

35. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 0 VND (cùng kỳ năm trước là 10.033.508.803 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	116.137.994	116.137.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	116.137.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	422.110.337.029	462.493.693.133
Doanh thu cho thuê văn phòng	934.772.850	257.249.216
Cộng	423.045.109.879	462.750.942.349

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	88.299.897	158.222.497
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.167.343.317	374.723.281
Lãi cho vay vốn	8.006.047.871	8.557.505.577
Lãi chuyển nhượng vốn trong công ty con	-	27.327.676.124
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	3.935.490.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	176.554.617.715	149.758.324.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.411.854.802	1.475.959.669
Doanh thu hoạt động tài chính khác	22.774.020	10.315
Cộng	192.250.937.622	191.587.911.463

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	32.847.539.233	36.416.631.418
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.974.409.508	3.152.973.852
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.289.273.426	2.020.501.758
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	6.086.551.564	42.920.437.885
Chi phí chuyển nhượng vốn	-	13.087.620.000
Chi phí tài chính khác	51.585.197	38.457.680
Cộng	95.249.358.928	97.636.622.593

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.353.017	143.822.727
Chi phí khác	1.631.150.022	1.750.297.389
Cộng	1.917.503.039	1.894.120.116

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.661.762.735	21.636.128.604
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	67.564.500	66.434.160
Chi phí đồ dùng văn phòng	560.212.374	389.180.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.140.313.468	2.458.516.682
Thuế, phí và lệ phí	131.056.173	76.469.528
Chi phí dự phòng	(11.000.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.439.238.029	18.414.857.231
Chi phí khác	3.723.898.743	1.279.553.841
Cộng	35.724.046.022	44.321.140.345

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và thu nhập khác.

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	334.633.874
Các khoản chi phí khác	143.039.090	183.532.076
Cộng	143.039.090	518.165.950

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	1.502.893.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	757.391.213	749.631.551
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(765.542.688)	(75.461.302.402)
Cộng	(8.151.475)	(73.208.777.099)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.451.009.228	147.039.371.988
Chi phí nhân công	41.632.201.409	45.754.755.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.888.109.034	32.906.647.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.959.212.173	264.697.473.160
Chi phí khác	257.233.792	6.871.801.371
Cộng	445.187.765.636	497.270.049.455

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	540.000.000
Chi phí chuyển nhượng vốn chưa thanh toán cho Công ty cổ phần tư vấn Tâm Nhìn Xa	-	13.087.620.000
Chuyển khoản tiền ứng trước cho Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco sang khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	-	40.000.000.000
Tặng khoản đầu tư vào Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M thông qua cản trừ công nợ	300.000.000	-
Tặng khoản đầu tư vào Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M thông qua cản trừ cổ tức nhận được	754.000.000	-
Mua tài sản cố định thông qua thuê tài chính	14.412.789.665	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.505.930.000	1.645.948.000
Thu nhập khác	-	25.500.000
Cộng	1.505.930.000	1.671.448.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd	Công ty con
Gemadept (S) Pte Ltd	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV logistics Biên Sáng	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Grand Pacific Shipping Ltd.	Công ty con của Gemadept (S) Pte Ltd
Công ty TNHH vận tải Liên Ước Việt Nam	Công ty con của Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Thanh lý tài sản cố định	-	490.909.901
Cổ tức được chia	9.987.284.157	-
Lãi cho vay	781.291.667	-
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Góp vốn	27.500.000.000	-
Lợi nhuận được chia	754.000.000	-
<i>Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd</i>		
Chi phí dịch vụ đại lý	245.665.673	444.450.237

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Gemadep (S) Pte Ltd</i>		
Chi hộ	10.141.202.585	8.424.518.525
Chi phí dịch vụ	25.634.516.175	9.635.082.500
Thu hộ	410.212.517	-
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Cho vay, mượn tiền	45.000.000.000	14.600.000.000
Cho thuê tài sản	11.852.174.774	10.231.418.389
Lãi cho vay	2.572.150.000	-
Chi phí dịch vụ	7.753.353.267	28.459.423.675
Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-
Chi hộ	82.080.025	1.373.914.307
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadep</i>		
Lợi nhuận được chia	40.000.000.000	78.000.000.000
Góp vốn	20.000.000.000	-
Cho vay	-	18.973.000.000
Chi hộ	2.013.407.671	1.845.000
Lãi cho vay	1.498.895.650	2.611.364.389
Doanh thu dịch vụ	3.158.552.379	5.242.870.861
Chi phí dịch vụ	33.146.732.919	24.952.474.978
<i>Công ty TNHH MTV Gemadep Hải Phòng</i>		
Thu hộ	-	66.877.313
Mượn tiền	-	8.800.000.000
Doanh thu dịch vụ	26.478.386.192	37.255.153.815
Chi phí dịch vụ	29.676.762.326	34.129.619.702
Chi hộ	16.533.000	3.046.000
Lợi nhuận được chia	4.000.000.000	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ</i>		
Doanh thu cho thuê	2.160.000.000	2.160.000.000
Cổ tức được chia	9.025.200.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Cổ tức được chia	96.570.599.058	70.000.000.000
Lãi cho vay	-	588.272.222
Doanh thu dịch vụ	2.746.349.798	3.060.021.436
Chi phí dịch vụ	660.933.715	319.620.979
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Góp vốn	-	120.000.000.000
Cho vay	-	48.000.000.000
Lãi cho vay	3.092.599.443	4.751.404.319
Chi phí dịch vụ	552.733.445	665.303.779
Doanh thu dịch vụ	2.454.545.455	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	125.313.761	78.424.100
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	183.614.000	202.402.000
Góp vốn	1.400.000.000	2.100.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín</i>		
Chi hộ	628.545.040	346.557.645
<i>Công ty TNHH MTV logistics Biển Sáng</i>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	2.142.000.000
<i>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</i>		
Chi hộ	61.331.130	778.876.647
Góp vốn	87.360.000.000	-
<i>Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	86.297.500.000	126.189.800.000
<i>Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Góp vốn	1.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH ISS Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	59.143.226	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	196.691.012	198.111.069
Cổ tức được chia	5.650.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	151.350.000	62.920.000
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept</i>		
Doanh thu dịch vụ	153.344.750	-
Thu hộ	75.000.000	-
Góp vốn	5.324.000.000	-
<i>Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu</i>		
Cổ tức được chia	1.253.460.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	275.459.000	-
Công ty Golden Globe Co., Ltd.		
Góp vốn	-	760.140.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm		
Cổ tức được chia	209.126.000	159.289.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Cổ tức được chia	-	893.700.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Công ty liên quan đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty với VI Fund II, L.P (xem thuyết minh số V.33).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	
Phải thu lãi cho vay	781.291.667	478.361.111
Cho vay	13.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức được chia	9.987.284.157	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	-	300.000.000
Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd		
Phải thu phí dịch vụ	13.798.213.473	16.302.999.421
Gemadept (S) Pte Ltd		
Phải thu phí dịch vụ	134.039.175.803	133.350.263.078
Các khoản chi hộ	82.009.331.041	71.868.128.456
Ký quỹ thuê tàu	43.590.000.000	42.708.000.000
Grand Pacific Shipping		
Các khoản chi hộ	1.181.618.854	1.181.618.854
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải thu phí dịch vụ	25.264.371.469	22.154.158.334
Ứng trước tiền dịch vụ	-	6.021.434.386
Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-
Cho vay	79.700.000.000	49.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept		
Phải thu phí dịch vụ	1.619.370.624	3.366.000.000
Lợi nhuận được chia	203.650.000.000	170.650.000.000
Cho vay	16.600.000.000	36.033.000.000
Chi hộ khác	137.486.887	5.096.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Phải thu phí dịch vụ	676.296.879	5.320.270.576
Các khoản chi hộ	56.018.292	60.253.196
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ		
Phải thu phí dịch vụ	7.128.000.000	4.752.000.000
Cổ tức được chia	14.848.800.000	5.823.600.000
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	14.876.000.000	14.876.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải thu phí dịch vụ	1.700.984.778	-
Cổ tức được chia	94.999.999.999	113.385.153.504
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Phải thu tiền chi hộ	221.762.635	96.448.874
Công ty TNHH dịch vụ tín học Vĩ Tín		
Phải thu tiền chi hộ	1.137.745.050	509.200.010
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương		
Phải thu tiền chi hộ	1.562.182.347	1.378.568.347
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương		
Chi hộ dự án cao su	129.058.721.013	213.322.634.679
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương		
Chi hộ dự án cao su	4.772.376.845	4.680.026.659
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ		
Phải thu phí dịch vụ	1.500.000.000	998.572.778
Cho vay	-	110.802.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept		
Phải thu phí dịch vụ	65.057.549	-
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng		
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn		
Cổ tức được chia	5.650.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i> Cổ tức được chia	-	893.700.000
<i>Công ty cổ phần dịch vụ Minh Đạm</i> Phải thu hỗ trợ vốn	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept</i> Phải thu các khoản chi hộ và phí dịch vụ	2.105.950	126.897.000
<i>Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam</i> Phải thu phí dịch vụ	303.004.900	-
Cộng nợ phải thu	<u>922.217.200.212</u>	<u>1.060.944.385.263</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Sdn Bhd</i> Phải trả các khoản thu hộ	952.588.944	942.227.649
<i>Gemadept (S) Pte Ltd</i> Các khoản thu hộ, mượn tiền Phải trả khác	3.068.736.000 410.212.517	- -
<i>Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept</i> Phải trả phí dịch vụ Các khoản thu hộ và phải trả khác	4.741.583.039 420.115.987	1.456.483.427 301.407.658
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i> Các khoản thu hộ và phải trả khác	6.985.073.124	763.558.466
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept</i> Phải trả tiền hỗ trợ vốn	10.293.585.975	10.293.585.975
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept</i> Các khoản thu hộ và phải trả khác	1.920.884.393	1.920.884.393
<i>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</i> Phải trả phí dịch vụ Các khoản thu hộ và phải trả khác	19.493.929.638 12.177.610.242	14.290.346.068 21.085.413.395
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i> Phải trả phí dịch vụ	258.179.017	118.790.792
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i> Phải trả phí dịch vụ	252.969.063	54.036.257

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương</i>		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	8.279.000.000	8.279.000.000
<i>Công ty TNHH MTV logistic Biển Sáng</i>		
Phải trả tiền hỗ trợ vốn	2.142.000.000	2.142.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Vay ngắn hạn	234.398.452.751	229.655.634.780
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Phải trả phí dịch vụ	2.937.264	-
Cộng nợ phải trả	<u>305.797.857.954</u>	<u>291.303.368.860</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Trong năm 2014, Công ty đã chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc Hàng Hải. Từ thời điểm đó trở đi, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistic, bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý... (chiếm đến 99,78% tổng doanh thu).

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	306.718.262.626	304.727.416.418
Nước ngoài	116.326.847.253	158.023.525.931
Cộng	<u>423.045.109.879</u>	<u>462.750.942.349</u>

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	91.658.616.894	6.784.221.072
Nước ngoài	2.209.660.793	-
Cộng	<u>93.868.277.687</u>	<u>6.784.221.072</u>

Chi tiết về tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Trong nước	2.108.834.612.531
Nước ngoài	113.170.765.475	183.531.096.531
Cộng	<u>2.222.005.378.006</u>	<u>2.164.020.065.467</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng quản lý rủi ro và phòng Kế toán, Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty có liên quan vay tiền. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản chi hộ các công ty có liên quan, phải thu cổ tức hoặc lợi nhuận được chia. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính. Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	536.232.965.601	-	568.365.071.697	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	61.024.320.000	-
Phải thu khách hàng	300.154.920.462	(6.833.405.311)	312.375.504.590	(17.833.405.311)
Các khoản cho vay	109.300.000.000	-	226.035.000.000	-
Các khoản phải thu khác	757.865.490.500	-	748.093.509.613	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	954.144.531.042	(233.925.241.605)	954.146.894.680	(247.120.633.145)
Cộng	2.657.697.907.605	(240.758.646.916)	2.870.040.300.580	(264.954.038.456)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	536.232.965.601	-	-	536.232.965.601
Phải thu khách hàng	292.120.409.530	-	8.034.510.932	300.154.920.462
Các khoản cho vay	109.300.000.000	-	-	109.300.000.000
Các khoản phải thu khác	757.865.490.500	-	-	757.865.490.500
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	156.291.300.000	-	797.853.231.042	954.144.531.042
Cộng	1.851.810.165.631	-	805.887.741.974	2.657.697.907.605
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	568.365.071.697	-	-	568.365.071.697
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	61.024.320.000	-	-	61.024.320.000
Phải thu khách hàng	294.542.099.279	11.000.000.000	6.833.405.311	312.375.504.590
Các khoản cho vay	226.035.000.000	-	-	226.035.000.000
Các khoản phải thu khác	748.093.509.613	-	-	748.093.509.613
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	156.291.300.000	-	797.855.594.680	954.146.894.680
Cộng	2.054.351.300.589	11.000.000.000	804.688.999.991	2.870.040.300.580

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	268.027.849.851	898.028.981.556	4.175.204.509	1.170.232.035.916
Phải trả người bán	102.346.915.407	-	-	102.346.915.407
Các khoản phải trả khác	424.749.690.677	717.317.183	-	425.467.007.860
Cộng	795.124.455.935	898.746.298.739	4.175.204.509	1.698.045.959.183
Số đầu năm				
Vay và nợ	277.688.542.614	900.491.412.934	2.690.268.956	1.180.870.224.504
Phải trả người bán	69.295.869.307	-	-	69.295.869.307
Các khoản phải trả khác	161.336.756.421	857.354.183	-	162.194.110.604
Cộng	508.321.168.342	901.348.767.117	2.690.268.956	1.412.360.204.415

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nhiên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp và mua các dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR, SGD, MYR, JPY và HKD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 21.416.106.163 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 15.333.224.291 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, SGD, MYR, JPY, HKD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	10.315.816.282	162.153,40	30.000.000.000	834.695,48

Mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND và USD có lãi suất thả nổi đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nhiên liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nhiên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nhiên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua nhiên liệu và thực hiện các nghiệp vụ hedging giá dầu một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty có khoản tài sản tài chính sẵn sàng để bán thế chấp cho đơn vị khác với giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 52.008.600.000 VND.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2015

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CAO TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
						Cộng
Số dư đầu năm trước	1.144.216.690.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	34.616.898.799	31.502.833.892	4.603.758.129.128
Tăng vốn trong kỳ trước	17.163.250.000	-	-	-	-	17.163.250.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	71.398.186.297
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(139.365.592.800)
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	10.197.593.213	10.197.593.213	(36.711.335.567)
Số dư cuối kỳ trước	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	44.814.492.012	41.700.427.105	4.536.637.823.484
Số dư đầu năm nay	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	44.814.492.012	41.700.427.105	4.620.232.063.277
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	72.732.228.113
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	(232.275.988.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	7.749.621.305	7.749.621.305	(27.898.636.698)
Số dư cuối kỳ này	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	69.388.382.902	52.564.113.317	49.450.048.410	4.448.288.909.302

Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	USD	EUR	SGD	MYR	JPY	HKD
Số cuối kỳ						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.697.315,55	111,18	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	3.048.942,11	-	8.563.548,97	2.378.182,26	-	2.595.108,73
Các khoản phải thu khác	9.425.820,26	-	-	-	-	100.000,00
Vay và nợ	(52.613.327,92)	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	(2.557.814,33)	-	(46.389,19)	-	(5.647.607,96)	-
Các khoản phải trả khác	(9.131.713,75)	-	-	-	-	(158.413,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(49.130.778,08)	111,18	8.517.159,78	2.378.182,26	(5.647.607,96)	2.536.695,73
Số đầu năm						
Tiền và các khoản tương đương tiền	428.733,51	1.182.201,01	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	2.194.791,20	-	8.608.848,82	2.705.892,02	-	1.763.841,22
Các khoản phải thu khác	13.906.736,63	-	-	-	-	100.000,00
Vay và nợ	(52.480.163,15)	-	-	-	-	-
Phải trả người bán	(1.542.471,37)	-	(140,40)	-	-	-
Các khoản phải trả khác	(4.103.295,73)	-	-	-	-	(18.656,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(41.595.668,91)	1.182.201,01	8.608.708,42	2.705.892,02	-	1.845.185,22

Nguyễn Như Nguyễn

Nguyễn Như Nguyễn
 Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc